

Bản án số 145/2023/HC-PT
Ngày 15 - 3 - 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 764/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1432/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: Số 2623, đường P, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần B: Ông Phan Quang M (có mặt);

Địa chỉ: Phòng 03B số 194/4/4, đường B1, Phường 12, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Người bị kiện:** Cục trưởng Cục Thuế T(vắng mặt);

Địa chỉ: Số 63, đường V, phường X, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế T:

+ Bà Võ Thị Mai T2- Kiểm tra viên thuế (có mặt);

+ Ông Lê Hữu C- Kiểm tra viên thuế (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Cục trưởng Cục Thuế T là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/5/2021, Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 04/6/2021, ngày 24/6/2021 và ngày 29/8/2022, Người khởi kiện Công ty Cổ phần B (sau đây viết tắt là Công ty B) có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Quang M trình bày:

Vào đầu năm 2009, Công ty B có thỏa thuận thuê quyền sử dụng đất dài hạn với Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng khu công nghiệp V1(Trụ sở chính: QL 1A, ấp V2, xã L, huyện B3, tỉnh Long An) với diện tích đất thuê là 37.313.60m² tại Lô đất số B1-11, B1-12, B1-13, B1-14, B1-15 đường VL2, khu công nghiệp V2, ấp V2, xã L, huyện B3, tỉnh Long An. Để mua tài sản này Công ty có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kỳ Hòa. Xong Công ty có đầu tư công trình xây dựng trên đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT16419 cấp ngày 14/5/2013 (sau đây viết tắt là GCN số CT16419). Toàn bộ đất thuê và tài sản trên đất được sử dụng vào việc sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Vào năm 2017 do nợ quá hạn kéo dài nên Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kỳ Hòa đã nhiều lần làm việc gây áp lực, yêu cầu Công ty phải ủy quyền cho Ngân hàng bán đấu giá quyền thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để trả nợ Ngân hàng, tài sản trên đã bán đấu giá thành với giá tiền trúng đấu giá là 70.050.000.000 đồng, Công ty đã xuất hóa đơn không có VAT cho bên mua trúng đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 về “Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ” của Bộ Tài Chính (gọi tắt là Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015). Vì vậy Công ty không có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế giá trị gia tăng này.

Từ năm 2015 đến nay Công ty có ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán S. Kết quả kiểm toán cho biết là Công ty đã thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc Cục Thuế T(sau đây viết tắt là Cục Thuế T3) cho rằng Công ty đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) phải nộp quy định tại khoản 3 Điều 103; Điều 107 Luật Quản lý thuế; khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quy định tại khoản 1 Điều 103; khoản 1 Điều 105 Luật Quản lý thuế là không đúng. Cục Thuế T3 ra các quyết định cưỡng chế trích tiền và phong tỏa tài khoản ngân hàng của Công ty là gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của Công ty.

Nay Công ty đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu sau:

- Hủy một phần Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục trưởng Cục Thuế T(sau đây viết tắt là Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021), cụ thể:

+ Phạt tiền: 1.544.255.217 đồng.

+ Truy thu số tiền thuế: 7.710.776.085 đồng.

+ Tiền chậm nộp tiền thuế: 2.984.395.261 đồng.

- Hủy Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Chợ Lớn (sau đây viết tắt là Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021); Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn (sau đây viết tắt là Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021); Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Sacombank - Phòng Giao dịch Xóm Cũi (sau đây viết tắt là Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021); Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Kỳ Hòa (sau đây viết tắt là Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021); Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Sài Gòn (sau đây viết tắt là Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021); Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021).

- Hủy Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn của Cục trưởng Cục Thuế T(sau đây viết tắt là Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021).

Người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế T vắng mặt.

Theo tài liệu chứng cứ tại hồ sơ và tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Võ Thị Mai T2 và ông Lê Hữu C trình bày:

Cục Thuế T3 đã ban hành Quyết định kiểm tra thuế số 190/QĐ-CT-KT ngày 10/03/2021 về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ phần B; Mã số thuế: 0303862241, thời kỳ kiểm tra: từ năm 2016 đến năm 2018.

Qua kiểm tra thuế, Cục Thuế T3 đã ban hành Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 833/QĐ-CT ngày 02/04/2021 do vi phạm hành chính gây ra đối với Công ty B, truy thu tổng số tiền thuế giá trị gia tăng là 7.710.776.085 đồng, tổng tiền phạt và tiền chậm nộp là 4.528.650.478 đồng, giảm lỗ số tiền là 13.257.124.253 đồng.

Sau khi nhận Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 833/QĐ-CT ngày 02/04/2021, Công ty B không tự nguyện chấp hành việc nộp phạt nên Cục trưởng Cục Thuế đã ban hành các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính về thuế như phía Công ty trình bày. Cục trưởng Cục Thuế có ý kiến đối với việc khởi kiện của Công ty B như sau:

1. Đối với nội dung chuyển nhượng bất động sản của Công ty B.

Công ty B đã vay Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kỳ Hòa để đầu tư xây dựng nhà xưởng trên đất tại Khu công nghiệp V2, tỉnh Long An. Theo sổ sách kế toán năm 2017 vẫn còn xây dựng dở dang chưa đi vào hoạt động. Công ty B đã kê khai hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên là 7.684.480.125 đồng.

Đến tháng 08/2017 Công ty không còn khả năng trả nợ Ngân hàng nên ủy quyền cho Ngân hàng bán đấu giá quyền thuê quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để trả nợ Ngân hàng và Công ty đã xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT để xuất bán quyền sử dụng đất và nhà xưởng trên đất trên đối với hoạt động bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính.

2. Căn cứ xác định thuế GTGT phải nộp:

Căn cứ điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính, quy định: “a) Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ

bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được... ”.

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty B đã xuất hóa đơn đầu ra không chịu thuế GTGT nên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 7.684.480.125 đồng.

Cơ quan thuế cũng đã tăng số thuế GTGT mua vào không được khấu trừ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nêu trên được hạch toán vào chi phí căn cứ khoản 9 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng” của Bộ Tài Chính (sau đây viết tắt là Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013) làm tăng số lỗ và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định cho Công ty B.

Cơ quan thuế đã có buổi làm việc với Đại diện pháp luật của Công ty B và được ghi nhận tại Biên bản làm việc vào ngày 29/03/2021 về việc Công ty đồng ý với nội dung giải thích của cơ quan thuế và đã đồng ý ký tên xác nhận đồng thời không có ý kiến bổ sung khác.

Cục trưởng Cục Thuế T3 đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác đơn khởi kiện của Công ty B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Phan Quang M trình bày:

- Công ty giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Công ty B đã kê khai hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên là 7.684.480.125 đồng vào năm 2017, khoản thuế này đã được Công ty khấu trừ hết. Căn cứ điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công ty đã làm đúng quy định khi không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, Cục Thuế T3 đã sai khi cho rằng đầu ra không xuất hóa đơn có GTGT thì đầu vào không được khấu trừ thuế GTGT.

Công ty chỉ không đồng ý nội dung truy thuế phần thuế GTGT 7.684.480.125 đồng của Chi nhánh Long An tại Biên bản kiểm tra thuế ngày 26/3/2021, các khoản vi phạm khác Công ty đồng ý.

- Công ty chỉ yêu cầu hủy một phần khoản 6 Điều 1 Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 (nội dung: phạt tiền, truy thu số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế), các nội dung khác Công ty không yêu cầu. Riêng nội dung giảm lỗ và các nội dung khác không bị ảnh hưởng nếu yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, Công ty sẽ kê khai thuế, tính thu nhập doanh nghiệp năm tiếp theo.

- Nhà máy ở Long An chưa chính thức vận hành đã phải bán trả nợ Ngân hàng nhưng trước đó Công ty đã khai thác các kho của Nhà máy để chứa lúa mì

phục vụ sản xuất, kinh doanh, Công ty có mua bảo hiểm, có hợp đồng vận chuyển đầy đủ. Công ty xây dựng Nhà máy tại Long An để sản xuất bột mì (mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng 10%).

- Vì Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 là trái pháp luật nên các quyết định cưỡng chế thuế cũng là trái pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Bà Võ Thị Mai T2 và ông Lê Hữu C trình bày:

- Cục trưởng Cục Thuế giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của Công ty B.

- Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng nhà xưởng, Công ty khấu trừ thuế GTGT là đúng quy định. Tại thời điểm bán tài sản thế chấp là Nhà máy tại Long An, Công ty xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT là đúng quy định.

Tuy nhiên, do Công ty xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT đầu ra thì đầu vào Công ty cũng sẽ không khấu trừ thuế GTGT. Hiện chưa có quy định nào quy định về việc này nhưng Nhà máy tại Long An chưa xây dựng xong, chưa hoạt động nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 7 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì Công ty B không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Trường hợp yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận thì nội dung giảm lỗ và các nội dung khác của quyết định không bị ảnh hưởng.

- Khi kiểm tra thuế, Cơ quan thuế chỉ căn cứ vào số liệu do doanh nghiệp cung cấp, không cần tiến hành kiểm tra lại, không cần xác minh.

- Mặt hàng sản xuất của Công ty B gồm bột mì qua chế biến (chịu thuế giá trị gia tăng 10%,) và sản phẩm chăn nuôi (không chịu thuế giá trị gia tăng).

- Các khoản phạt, truy thu thuế GTGT, tiền chậm nộp phạt nêu trong Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 là tính chung vi phạm của cả 3 năm 2016, 2017 và 2018 (mỗi năm đều vi phạm), còn khi thi hành muốn biết số cụ thể thì phải căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế.

- Khoản tiền phạt tính từ thời điểm phát hiện sai phạm đến khi xử phạt (0,03%/ngày), riêng khoản phạt 2.100.000 đồng (tiểu mục 4254): là mức phạt cố định.

Nội dung mới phát sinh tại phiên tòa được các đương sự thừa nhận:

- Ngày 07 và 18/5/2021 Công ty B đã nộp được 230.530.718 đồng.

- Ngày 18/5/2021 các quyết định cưỡng chế thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty B hết hiệu lực.

- Ngày 16/6/2022 Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 hết hiệu lực. Cục trưởng Cục Thuế T3 ban hành tiếp Quyết định số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản

lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, số tiền bị cưỡng chế là 10.3725.712.919 đồng (do Công ty B đã nộp thêm một phần tiền phạt), quyết định này được Cục Thuế T3 nộp cho Tòa án và giao cho Công ty tại phiên tòa.

Ông M bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 của Cục trưởng Cục Thuế T3.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1432/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B có ông Phan Quang M là đại diện theo ủy quyền.

- Hủy một phần khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02 tháng 4 năm 2021 “Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế” của Cục trưởng Cục Thuế T, có nội dung:

“6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

“a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền

Mức phạt: 1.544.255.217 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, hai trăm mười bảy đồng.)

Trong đó:

+ Phạt tiền hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế giá trị gia tăng phải nộp (tiểu mục 4254): 1.542.155.217 đồng

+ Phạt tiền về hành vi kê khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (tiểu mục 4254): 2.100.000 đồng

b) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Truy thu số tiền thuế: 7.710.776.085 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm mười triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, không trăm tám mươi lăm đồng.)

Trong đó:

+ Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 7.710.776.085 đồng

- Tiền chậm nộp tiền thuế: 2.984.395.261 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng.)

Trong đó:

+ Tiền chậm nộp tiền thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4931): 2.984.395.261 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 02/04/2021. Công ty Cổ phần B có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể

từ sau ngày 02/04/2021 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt vào ngân sách nhà nước theo quy định.”.

- Hủy các quyết định sau của Cục trưởng Cục Thuế T:

+ Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Chợ Lớn;

+ Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn;

+ Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Sacombank - Phòng Giao dịch Xóm Củi;

+ Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Kỳ Hòa;

+ Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Sài Gòn;

+ Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

+ Quyết định số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Phan Quang M là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Công ty Cổ phần B trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế T, y án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế T trình bày: Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện, chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện thì kháng cáo đúng thủ tục, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Công ty B đã bán đấu giá tài sản đúng quy định để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để Ngân hàng thu hồi nợ và thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Cục Thuế cho rằng do Công ty không hạch toán giá trị bán đấu giá quyền sử dụng đất và thuế GTGT ở dự án Long An. Cục Thuế xác định đúng hành vi vi phạm là Công ty B không ghi giảm thuế GTGT đầu vào tại thời điểm bán tài sản cố định này vào năm 2017 là có căn cứ. Tuy nhiên, Quyết định số 833/QĐ-CT không đúng pháp luật vì truy thu thuế GTGT tính trên nguyên giá tài sản, khi Công ty B khấu hao tài sản thì phần thuế GTGT tương ứng cũng được tính vào chi phí đã trừ theo khấu hao. Việc Cục Thuế truy thu tính theo nguyên giá chưa khấu hao xâm phạm đến quyền lợi của Công ty B. Công ty thuê tài sản có thời hạn thuê nên được tính khấu hao tài sản theo Thông tư số 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017. Cục Thuế ra quyết định phải trừ số tiền ban đầu. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Công ty B yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau của Cục trưởng Cục Thuế T, gồm:

- Hủy một phần Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

- Hủy Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021

và Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Riêng Quyết định số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 được Cục trưởng Cục Thuế T3 ban hành để tiếp tục thi hành Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 sau khi Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 hết hiệu lực, được Cục Thuế T giao nộp tại phiên tòa, Công ty B yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với Quyết định này.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: đúng quy định pháp luật theo các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 110 Luật Quản lý thuế 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý thuế sửa đổi 2012); Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ “Về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế”, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính, các Điều 108, 110, 112, 139, 125 và 126 Luật Quản lý Thuế năm 2019.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] *Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021:*

Tại Điều 1 quyết định có nội dung xác định Công ty B đã có hành vi vi phạm hành chính pháp luật về thuế và phải chịu xử lý như sau:

“2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 103, Điều 107 Luật Quản lý thuế; khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải quy định tại khoản 1 Điều 103; khoản 1 Điều 105 Luật Quản lý thuế.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 1 Điều 10; khoản 4 Điều 6 của Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.

....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền

Mức phạt: 1.544.255.217 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, hai trăm mười bảy đồng.)

Trong đó:

+ Phạt tiền hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế giá trị gia tăng phải nộp (tiểu mục 4254): 1.542.155.217 đồng

+ Phạt tiền về hành vi kê khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (tiểu mục 4254): 2.100.000 đồng

b) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Truy thu số tiền thuế: 7.710.776.085 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm mười triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, không trăm tám mươi lăm đồng.)

Trong đó:

+ Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 7.710.776.085 đồng

- Tiền chậm nộp tiền thuế: 2.984.395.261 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng.)

Trong đó:

+ Tiền chậm nộp tiền thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4931): 2.984.395.261 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 02/04/2021. Công ty Cổ phần B có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ sau ngày 02/04/2021 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt vào ngân sách nhà nước theo quy định.

-Giảm lỗ số tiền: 13.257.124.253 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng.)

Trong đó:

+Giảm lỗ năm 2016: 2.118.724.157 đồng;

+Giảm lỗ năm 2017: 10.440.072.326 đồng;

+Giảm lỗ năm 2018: 698.327.770 đồng.

Đề nghị Công ty Cổ phần B điều chỉnh giảm lỗ không được chuyển lỗ sang các năm sau theo quy định: 13.257.124.253 đồng...”

Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 đã căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ngày 10/3/2021 để xử lý hành vi vi phạm hành chính về thuế của Công ty B, hành vi vi phạm bị xử phạt phù hợp với nội dung đã lập Biên bản.

[2.2.2] Công ty B đã đồng ý với các nội dung vi phạm tại Biên bản kiểm tra thuế ngày 10/3/2021, chỉ yêu cầu xem xét lại nội dung phần thuế VAT dự án Long An. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty chỉ yêu

cầu Tòa án hủy một phần khoản 6 Điều 1 Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 (nội dung: phạt tiền, truy thu số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế).

Đối với khoản “*Giảm lỗ số tiền: 13.257.124.253 đồng*” và các khoản khác của Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/04/2021 Công ty không khởi kiện, đương sự tự giải quyết theo quy định của pháp luật về thuế. Do các nội dung này cũng không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 8 Luật Tố tụng hành chính chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi đơn khởi kiện của Công ty là có căn cứ.

[2.2.3] Bảng kê chi phí và thuế GTGT của Chi nhánh Long An do Công ty B lập, được Cục Thuế chấp thuận là cơ sở kiểm tra thuế, xác định khoản tiền thuế GTGT đầu vào của dự án Long An là 7.684.480.125 đồng vào năm 2017. Khoản thuế GTGT này đã được Công ty B khấu trừ toàn bộ.

[2.2.4] Việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung bởi điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn:

“1.Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.”

Thực tế, tuy công trình dự án Nhà máy sản xuất bột mì Công ty B đặt tại Khu công nghiệp V2 đang trong quá trình đầu tư nhưng Công ty đã từng bước sử dụng, cụ thể Công ty đã xây dựng nhà kho và các công trình khác trên đất thuê, sử dụng hệ thống nhà kho đã hoàn thiện để chứa bột mì từ năm 2012 để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh bột mì, đã tiến hành mua bảo hiểm hàng hóa tại các kho chứa hàng thuê bảo vệ... (có đầy đủ hợp đồng và hóa đơn theo quy định); đồng thời việc này được Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng khu công nghiệp V1 xác nhận tại Văn bản số 138/CTY.KHKD ngày 25/7/2022.

Công ty B đầu tư xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh bột mì theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4312456573 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Long An cấp (chứng nhận lần đầu ngày 14/3/2016) trên đất tại Khu công nghiệp V2, tỉnh Long An và đã được cấp GCN số CT16419 ngày 14/5/2013 nên được quyền khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa chịu thuế. Việc này người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế T3 thừa nhận.

[2.2.5] Về việc xuất hóa đơn không thuế GTGT đầu ra.

- Căn cứ khoản 8 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2014/NĐ-

CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và quy định tại điểm a khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng: “a) *Dịch vụ cấp tín dụng gồm các hình thức:*

- *Bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm, cụ thể:*

+ *Tài sản bảo đảm tiền vay được bán là tài sản thuộc giao dịch bảo đảm đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.*

+ *Việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm...*”

Đối chiếu các quy định trên, Công ty B đã xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT cho bên mua trúng đấu giá tài sản là đúng quy định pháp luật. Việc này người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế cũng như Cục Thuế cũng thừa nhận.

[2.2.6] Bảng kê chi phí và thuế GTGT của Chi nhánh Long An và Bảng kê giá trị tài sản + thuế VAT, đã khấu hao Chi nhánh Long An (từ 01/01/2014 đến 31/12/2016:

- Nguyên giá tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình: Tài sản hình thành trên đất và tài sản cố định vô hình: Quyền sử dụng đất) tại Chi nhánh Long An của Công ty B được kê khai là 77.385.513.191 đồng, thuế GTGT là 7.684.480.125 đồng.

- Khoản 2 Điều 5, Điều 9 Thông tư số 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017 về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” của Bộ Tài chính (gọi tắt là Thông tư 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017) quy định: “*Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao*” và “*Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán*”.

Và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 19/VBHN-BTC ngày 20/7/2017 quy định: “*Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp*”.

Công ty B đã khấu hao tài sản cố định hàng năm, được thể hiện trên sổ sách kế toán là 4.521.218.034 đồng (chưa bao gồm khấu hao giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn thuê tại Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 10/HĐTQSDĐ-VL2-2011 ngày 20/6/2011, có thời hạn thuê đất từ 20/6/2011 đến 25/3/2061) là đúng quy định.

Như vậy, tài sản Công ty bán để trả nợ vào năm 2017 là phần giá trị còn lại của nguyên giá tài sản cố định trừ đi giá trị tài sản đã được khấu hao.

[2.2.7] Tại khoản 1 Điều 10 Luật Thuế GTGT 2008 và khoản 5 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi giá trị hàng hóa bán ra chịu thuế GTGT đầu ra. Công ty B bán đấu giá quyền sử dụng đất thuê và tài sản trên đất để trả nợ Ngân hàng nên thuộc trường hợp không chịu thuế GTGT đầu ra theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 nên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Do vậy, Cục trưởng Cục Thuế T xác định Công ty B không ghi giảm thuế GTGT đầu vào tại thời điểm bán tài sản cố định này vào năm 2017 là có căn cứ.

[2.2.8] Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính quy định: *“Số GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định...”*.

Khi Công ty B khấu hao tài sản thì phần thuế GTGT tương ứng cũng được tính vào chi phí đã trừ theo khấu hao.

Cục trưởng Cục Thuế T chỉ được xác định Công ty B vi phạm trong việc không ghi giảm thuế GTGT đầu vào tương ứng với giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê và tài sản trên đất sau khi đã khấu hao. Cục trưởng Cục Thuế T3 đã xác định đúng hành vi vi phạm của Công ty B nhưng truy thu thuế GTGT tính trên nguyên giá tài sản với số tiền là 7.684.480.125 đồng là không đúng, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của Công ty B.

[2.2.9] Ngoài ra, Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 xử lý vi phạm hành chính Công ty B được gộp chung cho cả 3 năm 2016, 2017 và 2018 mà không tách bạch từng năm.

Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần nội dung khoản 6 Điều 1 quyết định để Cục Thuế T giải quyết lại theo quy định của pháp luật về thuế là có cơ sở.

[2.2.10] Các quyết định cưỡng chế của Cục trưởng Cục Thuế T3, gồm: Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021; Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 và Quyết định số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 được ban hành để thi hành các khoản tiền phạt, khoản truy thu thuế và tiền chậm nộp tiền thuế tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 833/QĐ-CT ngày

02/4/2021 nhưng nội dung quyết định này đã bị hủy bỏ nên các quyết định cưỡng chế để thi hành cũng bị hủy là đúng pháp luật.

[2.2.11] Các Quyết định cưỡng chế trên, Cục trưởng Cục Thuế T3 cưỡng chế cả những khoản tiền ngoài Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 cũng là trái pháp luật.

[2.2.12] Đối với khoản tiền Công ty B đã nộp khi bị cưỡng chế thi hành Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02/4/2021 sẽ được các bên giải quyết theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Cục trưởng Cục Thuế T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế T, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục Thuế T phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006; Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Quản lý thuế năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế; Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng” của Bộ Tài Chính và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 về “Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ” của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1432/2022/HC-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B có ông Phan Quang M là đại diện theo ủy quyền.

- Hủy một phần khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 833/QĐ-CT ngày 02 tháng 4 năm 2021 “Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế” của Cục trưởng Cục Thuế T, có nội dung:

“6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

“a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền

Mức phạt: 1.544.255.217 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, hai trăm mười bảy đồng.)

Trong đó:

+ Phạt tiền hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế giá trị gia tăng phải nộp (tiểu mục 4254): 1.542.155.217 đồng

+ Phạt tiền về hành vi kê khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (tiểu mục 4254): 2.100.000 đồng

b) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Truy thu số tiền thuế: 7.710.776.085 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm mười triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, không trăm tám mươi lăm đồng.)

Trong đó:

+ Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 7.710.776.085 đồng

- Tiền chậm nộp tiền thuế: 2.984.395.261 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng.)

Trong đó:

+ Tiền chậm nộp tiền thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4931): 2.984.395.261 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 02/04/2021. Công ty Cổ phần B có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ sau ngày 02/04/2021 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt vào ngân sách nhà nước theo quy định.”.

- Hủy các quyết định sau của Cục trưởng Cục Thuế T:

+ Quyết định số 770/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Chợ Lớn;

+ Quyết định số 771/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn;

+ Quyết định số 772/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Sacombank - Phòng Giao dịch Xóm Củi;

+ Quyết định số 773/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Kỳ Hòa;

+ Quyết định số 774/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Sài Gòn;

+ Quyết định số 775/QĐ-CT-CC ngày 19/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 1336/QĐ-CT-CC ngày 16/6/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

+ Quyết định số 1544/QĐ-CT-CC ngày 17/6/2022 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Cục trưởng Cục Thuế T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0092072 ngày 11/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục Thuế T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003184 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu (Ấn - TrúC).

Đinh Ngọc Thu Hương